

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2024

"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thạch X, sinh năm 1982; địa chỉ: Số B, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đặng Hồng Cẩm N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vinh Long; tạm trú: Số A, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Huỳnh Thạch X trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông X, bà N tự tìm hiểu được một năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vinh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được hơn mười năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Hiện nay ông X, bà N đã sống ly thân được vài tháng, trong

khoảng thời gian sống ly thân ông bà không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Nay ông X yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông X, bà N có 03 con chung tên Huỳnh Đăng Như Ý, sinh ngày 22/7/2009, Huỳnh Đăng Như M, sinh ngày 10/10/2012 và Huỳnh Đăng Huỳnh A, sinh ngày 02/12/2019. Hiện nay đang sống chung với bà N, khi ly hôn ông X yêu cầu giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông X không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Ông X yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông X vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Đặng Hồng Cẩm N nhận được Thông báo thụ lý vụ án, không có văn bản trả lời nhưng có lời trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà N thống nhất với ý kiến của ông X đã trình bày về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Theo bà N trong quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn nhưng theo bà N tìm hiểu được biết ông X có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài và ông X cũng thừa nhận từ đó vợ chồng bà N sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Nay bà N không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với ông X và mong muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Đăng Như Ý, sinh ngày 22/7/2009, Huỳnh Đăng Như M, sinh ngày 10/10/2012 và Huỳnh Đăng Huỳnh A, sinh ngày 02/12/2019. Hiện nay đang sống chung với bà N, trường hợp ly hôn bà N đồng ý nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Bà N đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông X. Cho ông X được ly hôn với bà N.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đăng Như Ý, sinh ngày 22/7/2009, Huỳnh Đăng Như M, sinh ngày 10/10/2012 và Huỳnh Đăng Huỳnh A, sinh ngày 02/12/2019 cho bà N nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Ông X và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc ông X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố V được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông X và bà N tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa ông X xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm với nhau và ông có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài. Về phía bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông X đã trình bày tuy nhiên bà N vẫn tha thứ để vợ chồng đoàn tụ gia đình vì không muốn con bà thiếu vắng tình cảm của cha hoặc mẹ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có mong muốn được đoàn tụ gia đình tuy nhiên bà N cũng thừa nhận trong khoảng thời gian sống ly thân ông

bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn chăm sóc, thăm hỏi cũng như chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, từ khi được Tòa án tổ chức động viên, hòa giải cho đến nay ông bà cũng không giải quyết được những mâu thuẫn để vợ chồng hòa hợp đoàn tụ gia đình. Ngoài ra bà N thừa nhận, bà biết ông X không còn tình cảm với bà và cũng không yêu thương bà, bên cạnh đó ông X xác định trường hợp nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông vẫn không thể tiếp tục chung sống với bà N được nữa. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông X là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông X và bà N xác định ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Đặng Như Ý, sinh ngày 22/7/2009, Huỳnh Đặng Như M, sinh ngày 10/10/2012 và Huỳnh Đặng Huỳnh A, sinh ngày 02/12/2019, hiện nay đang sống chung với bà N. Ông X yêu cầu giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông X không cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Bà N đồng ý nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Xét điều kiện nuôi con: Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân thì các cháu do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay, tại phiên tòa ông X xác định ông đi làm thuê trong rừng cao su không có thời gian chăm sóc các con, bên cạnh đó trong khoảng thời gian sống ly thân các cháu do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt đảm bảo cho cháu phát triển. Hiện nay các cháu còn nhỏ và là cháu gái cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ sẽ đảm bảo cho cháu phát triển tốt hơn về mặt tâm, sinh lý. Do đó, để đảm bảo ổn định về chỗ ở, đảm bảo việc chăm sóc, đảm bảo về việc học tập, vui chơi, đảm bảo gắn kết tình cảm chị em, cũng như để đảm bảo sự phát triển về tâm, sinh lý và theo nguyện vọng của cháu Ý, cháu M vì vậy tiếp tục giao các cháu cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông X không tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung, bà N không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi các cháu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông X và bà N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông X và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc ông **X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà **N** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Huỳnh Thạch X**. Cho ông **Huỳnh Thạch X** được ly hôn với bà **Đặng Hồng Cẩm N**.

2. Về con chung: Giao 03 cháu Huỳnh Đặng Như Ý, sinh ngày 22/7/2009, **Huỳnh Đặng Như M**, sinh ngày 10/10/2012 và **Huỳnh Đặng Huỳnh A**, sinh ngày 02/12/2019 cho bà **N** nuôi dưỡng và giáo dục, ông **X** không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông **X** và bà **N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông **X** và bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông **Huỳnh Thạch X** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông **X** được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 15/11/2023 theo biên lai thu số N₀ 0006369 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Ông **X** đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Trường